

Số: /2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 3

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền đề nghị xét tặng; trao tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”.

Điều 2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ Tư pháp nhằm ghi nhận, động viên đối với cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của ngành Tư pháp Việt Nam.

2. Mẫu Kỷ niệm chương, mẫu Bằng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” do Bộ Tư pháp quy định, phù hợp với quy định chung, thể hiện đặc trưng của ngành Tư pháp Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc xét, trao tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương được tặng một lần cho cá nhân, không truy tặng.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương được tiến hành hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam hoặc xét tặng đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan, công bằng, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này.

4. Việc tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương phải đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp

1. Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Vụ trưởng và tương đương; Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thời gian giữ chức vụ khi có đủ 05 năm trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Phó Vụ trưởng và tương đương, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thời gian giữ chức vụ khi có đủ 08 năm trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

Trường hợp cá nhân công tác tại các ngành khác được điều động về ngành Tư pháp để bổ nhiệm các chức vụ trên phải có thời gian giữ chức vụ trong ngành Tư pháp khi có đủ 06 năm trở lên đối với cấp trưởng, 09 năm trở lên đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo thì thời gian giữ các chức vụ để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được giảm 02 năm so với quy định chung. Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ thấp hơn liền kề.

3. Cá nhân đã và đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Công chức Tư pháp - Hộ tịch được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

4. Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, khi có đủ 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong ngành Tư pháp và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang làm công tác tư pháp

1. Cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương; cá nhân đang công tác tại các cơ quan Thi hành án Quân đội; **cá nhân là Giám định viên tư pháp** được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nam, có đủ 17 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

2. Cá nhân là Luật sư; Công chứng viên làm việc tại các Văn phòng Công chứng; **Giám định viên làm việc tại các Văn phòng Giám định tư pháp**; Đấu giá viên làm việc tại các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản; Thừa phát lại; Quản tài viên; Hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại; Trọng tài viên được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nam, có đủ 17 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nữ. **Thời gian tính làm công tác tư pháp được tính từ thời điểm cá nhân được đăng ký hành nghề.**

3. Cá nhân là hòa giải viên ở cơ sở được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ **13 năm** trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố hoặc có đủ **11 năm** trở lên trực tiếp làm công tác hoà giải và có thành tích xuất sắc được khen thưởng từ 03 Giấy khen hoặc 01 Bằng khen của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác hoà giải. Đối với hòa giải viên nữ thì thời gian làm công tác hoà giải quy định tại khoản này được giảm 02 năm.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân khác có công lao đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp Việt Nam

1. **Cá nhân là lãnh đạo các Ban Đảng Trung ương, các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

2. Cá nhân có công lao lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác của ngành Tư pháp là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ từ đủ **07 năm** trở lên đối với cấp trưởng, từ đủ **10 năm** trở lên đối với cấp phó.

3. **Cá nhân là lãnh đạo Liên đoàn Luật sư, Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức**

vụ từ đủ 07 năm trở lên đối với cấp trưởng, từ đủ 10 năm trở lên đối với cấp phó.

4. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có công lao, thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

5. Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành Tư pháp; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

6. Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 7. Các trường hợp chưa được xét tặng, không được xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân có đủ thời gian công tác quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 của Thông tư này nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc hoặc dưới mức khai trừ Đảng, chỉ được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sau 01 năm tính từ thời điểm được xóa kỷ luật.

2. Thời gian chịu kỷ luật, thời gian công tác được đánh giá dưới mức hoàn thành tốt nhiệm vụ của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 của Thông tư này không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

3. Cá nhân đủ tiêu chuẩn thuộc các đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5 và khoản 1, khoản 2, **khoản 3** Điều 6 của Thông tư này không được xét tặng Kỷ niệm chương khi bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị khai trừ Đảng.

Chương III

THẨM QUYỀN, CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 8. Thẩm quyền đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn là cá nhân đã và đang công tác tại cơ quan, đơn vị mình; cá nhân là lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư này; phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ rà soát, cho ý kiến đối với cá nhân

thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý, theo dõi được người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân đó đề nghị xét tặng.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn là cá nhân đã và đang công tác tại các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Thông tư này do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình xét.

3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 6 Điều 6 Thông tư này; phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ rà soát, đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân nguyên là lãnh đạo của các đơn vị thuộc Bộ đã nghỉ hưu đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được xét tặng.

4. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp, đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đủ tiêu chuẩn thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

5. Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp tổng hợp, đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn là cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

6. Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn là:

a) Cá nhân đã và đang công tác tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc địa bàn quản lý.

b) Cá nhân là Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

c) Cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Luật sư; Công chứng viên làm việc tại các Văn phòng Công chứng; Đấu giá viên làm việc tại các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản; Thừa phát lại; Quản tài viên; Giám định viên Tư pháp; Hòa giải viên thương mại; Trọng tài viên và cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4; khoản 2 Điều 5 Thông tư này trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng.

7. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân đủ tiêu chuẩn đã và đang công tác tại các cơ quan thi hành án dân sự địa phương; phối hợp với

Giám đốc Sở Tư pháp địa phương khi đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các đối tượng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

8. Thủ trưởng các tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước thuộc các bộ, ngành ở Trung ương **chủ trì**, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét tặng Kỷ niệm chương cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn là cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 9. Thời gian, cách thức gửi hồ sơ; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Thời gian gửi hồ sơ:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đề nghị xét tặng kỷ niệm chương về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 01 tháng 6 hàng năm.

b) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ về Tổng cục Thi hành án dân sự trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

c) Thời gian nộp hồ sơ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 không phụ thuộc vào quy định tại điểm a, b khoản này.

3. Cách thức nộp hồ sơ:

Khi đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương, các cơ quan, đơn vị gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ đề nghị, đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word, pdf) của hồ sơ đến Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp qua email: thiduakhenthuong@moj.gov.vn, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp nhận được bản giấy và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

4. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng:

a) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định, Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

b) Đối với hồ sơ không đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Vụ Tổ chức cán bộ (Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp) có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, đơn vị trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi lại Vụ Tổ chức cán bộ để thẩm định.

c) Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp họp xét hoặc lấy ý kiến các thành viên, Vụ Tổ chức cán bộ hoàn tất các thủ tục theo quy định để trình Bộ trưởng, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Điều 10. Tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức trao tặng hoặc ủy quyền cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân được tặng thưởng trao tặng Kỷ niệm chương theo quy định về nghi thức trao tặng hình thức khen thưởng này.

2. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương đối với các trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức trao tặng.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2024. Thông tư số 06/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Huy chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” được tặng thưởng theo quy định tại Quyết định số 713/TC ngày 22 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có giá trị tương đương với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”. Cá nhân đã được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” thì không xét tặng Kỷ niệm chương theo Thông tư này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp giải quyết kịp thời, theo quy định pháp luật các vi phạm, khiếu nại, tố cáo về việc xét tặng Kỷ niệm chương khi phát hiện hoặc được Bộ trưởng giao.

4. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Bộ trưởng; Thứ trưởng Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCCB (TĐKT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tịnh

|